TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2026/DS-PT
Ngày: 08 - 5 -2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng uỷ quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 & 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng uỷ quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2025/DS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 42/2026/QĐ-PT ngày 05/3/2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 04/TB-TA ngày 22/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Việt Á**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ).

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Minh Đ**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là Ấp Đ, xã Đ, thành phố Cần Thơ).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là Khu vực T, phường P, thành phố Cần Thơ).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1) Bà **Phạm Huyền T**, sinh năm 1987. (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là Số A, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ).

2) **Văn phòng C** (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Số A, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Số A, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ).

3) **Văn phòng C1**(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Số C, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Số C, đường T, phường T, thành phố Cần Thơ).

* Người kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Huyền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Việt Á (có ông Huỳnh Minh Đ là đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 160, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.282 m^2, số phát hành DC 748581, số vào sổ cấp GCN CS02887, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp cho Lê Việt Á ngày 24/12/2021, chỉnh lý ngày 26/01/2022 là của cha ông là ông Lê Hoàng Â tặng cho lại cho ông.

Do cần tiền làm ăn và thông qua giới thiệu ông quen biết và vay của ông Nguyễn Ngọc V số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) với lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 14/10/2022. Sau khi thống nhất thỏa thuận ông V kêu ông đến Văn phòng C để làm hợp đồng vay. Tuy nhiên, khi hợp đồng được soạn xong lại là hợp đồng ủy quyền, ông hỏi thì ông V nói chỉ là hình thức, khi đến hạn ông trả tiền thì sẽ hủy hợp đồng, do đang cần tiền và tin tưởng nên ông đồng ý ký hợp đồng.

Từ khi vay tiền hàng tháng ông đều đóng lời đầy đủ. Sau đó, ông muốn chuộc lại thửa đất thì ông V cố tính trốn tránh không gặp mặt ông, không cho ông chuộc lại quyền sử dụng đất.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền giữa ông Á và ông Nguyễn Ngọc V số công chứng 10334, quyển số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, địa chỉ: Số A đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đồng thời, ông Á yêu cầu buộc ông V phải trả lại cho ông Á Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DC748581, số vào sổ CS02887, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp cho ông Lê Việt Á ngày 24/12/2021, chỉnh lý ngày 26/01/2022.

Ông Á đồng ý trả lại số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) cho ông V và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án được biết Nguyễn Ngọc V đã chuyển nhượng thửa đất 160, tờ bản đồ số 02 cho bà Phạm Huyền T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 947, quyển số 01/2023/TP/CC-SCCHĐGD ngày 14/4/2023 tại Văn phòng C1. Do đó, ông làm đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu như sau:

- Tuyên bố vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa Lê Việt Á và Nguyễn Ngọc V, số công chứng 10334, quyển số 01/2022/TP/CC-SCCHĐGD tại Văn phòng C, địa chỉ: A đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Việt Á (Ủy quyền cho Nguyễn Ngọc V) và Phạm Huyền T số công chứng 947, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/4/2023 tại Văn phòng C1 đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Buộc bà Phạm Huyền T trả lại cho ông bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 748581, số vào số cấp GCN CS02887, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện T, TP . do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp cho Lê Việt Á ngày 24/12/2021, chỉnh lý ngày 26/01/2022.

* Ông Lê Việt Á đồng ý trả cho ông Nguyễn Ngọc V 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Huyền T (có ông Trần Văn Đ1 là đại diện theo ủy quyền) trình bày*:

Qua giới thiệu bà Phạm Huyền T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 160, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC748581, số vào sổ CS02887 cấp ngày 24/12/2021, chỉnh lý ngày 26/01/2022 của ông Lê Việt Á do ông Nguyễn Ngọc V làm đại diện ủy quyền ký hợp đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 14/4/2023, số công chứng 947, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD.

Ông Nguyễn Ngọc V đã nhận đủ tiền chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Theo thỏa thuận ông V hẹn đến cuối tuần sẽ giao đất cho bà T để bà đi làm thủ tục sang tên nhưng sau đó bà T nhiều lần liên lạc với ông V thì không liên hệ được.

Sau đó bà T tiếp tục liên hệ tìm ông V nhưng không được, qua tìm hiểu bà T biết ông V không còn ở địa phương. Bà T có liên hệ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T thì biết ông Á đã khởi kiện ông V yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền và buộc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo thông báo thụ lý số 209/TB-TLVA ngày 25/10/2024 của TAND quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Tuy nhiên, việc ông Á yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, vì bà T đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên của ông Á (do ông V đại diện ủy quyền) theo đúng quy định pháp luật, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng theo đúng quy định. Bà T đã thanh toán đầy đủ số tiền chuyển nhượng là 2.000.000.000 đông (hai tỷ đồng) cho ông V và ông V đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

Việc hợp tác vay tiền giữa ông Á và ông V bà T không biết, ông Á đã ủy quyền cho ông V thì ông Á phải chịu mọi trách nhiệm pháp lý về công việc do ông V thực hiện trong phạm vi ủy quyền. Do đó, bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Việt Á.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2025/DS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ đã tuyên xử*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Việt Á đối với ông Nguyễn Ngọc V.

1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa Lê Việt Á và Nguyễn Ngọc V, số công chứng 10334, quyển số 01/2022/TP/CC-SCCHĐGD tại Văn phòng C.

2. Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Việt Á (ủy quyền cho Nguyễn Ngọc V) và Phạm Huyền T số công chứng 947, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/4/2023 tại Văn phòng C1 đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. Buộc bà Phạm Huyền T trả lại ông Lê Việt Á bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC748581, số vào sổ CS02887 cấp ngày 24/12/2021.

4. Buộc ông Lê Việt Á trả lại cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 770.700.000 đồng (*Bảy trăm bảy mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*).

5. Buộc ông Nguyễn Ngọc V phải trả cho bà Phạm Huyền T số tiền 2.558.916.900 đồng (*Hai tỷ năm trăm năm mươi tám triệu chín trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng).*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* *Ngày 26/9/2025*, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Huyền T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 116/2025/DS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Cần Thơ, theo hướng sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Việt Á. Trong trường hợp có vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Việt Á và bà Phạm Huyền T, số công chứng 947 ngày 14/4/2023 tại Văn phòng C1 thì yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông Lê Việt Á và ông Nguyễn Ngọc V phải cùng có trách nhiệm liên đới trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và số tiền thiệt hại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

* Bà Phạm Huyền T có thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo: xác định trong trường hợp có vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Việt Á và bà Phạm Huyền T vô hiệu thì yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông Lê Việt Á và ông Nguyễn Ngọc V phải cùng có trách nhiệm liên đới trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và số tiền thiệt hại theo quy định.

* Phía đại diện ông Á: Không đồng ý trách nhiệm liên đới ông Á hoàn toàn không biết, cũng không nhận được số tiền chuyển nhượng đất nào từ bà T nên cần

buộc ông V có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền đã nhận. Tuy nhiên, ông chỉ đồng ý khi thực hiện việc thi hành án sẽ thông báo cho bà T được biết để bà T yêu cầu nhận tiền mà nguyên đơn thi hành án cho ông V.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm*:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa Lê Việt Á và Nguyễn Ngọc V ngày 14/10/2022, là vô hiệu do giả tạo theo Điều 124 Bộ luật dân sự, nhằm che giấu giao dịch vay tiền, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hiện tại bà T chưa nhận đất, chỉ đang giữa bản chính GCNQSD đất của ông Á do ông V giao. Đối với số tiền chuyển nhượng bà T đã giao cho ông V 2.000.000.000 tỷ đồng, ông Á xác nhận việc ông V chuyển nhượng đất cho bà T ông Á hoàn toàn không biết, cũng không nhận được số tiền chuyển nhượng đất nào từ bà T nên cần buộc ông V có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền đã nhận chuyển nhượng và ½ giá trị chênh lệch tài sản là 558.916.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông V có nghĩa vụ trả cho bà T là 2.558.916.000 đồng. Việc yêu cầu kháng cáo liên đơi như án sơ thẩm phân tích là không có cơ sở chấp nhận nên không có cơ sở xem xét kháng cáo. Từ những phân tích nên trên, bà T kháng cáo nhưng không được ra thêm chứng cứ gì mới nên không có căn cứ xem xét kháng cáo

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ Y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng ủy quyền, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh nên xác định là "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định chung của pháp luật.

[3]. Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Huyền T có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4]. Xét về nội dung kháng cáo: Bà T kháng cáo cho rằng trong trường hợp có vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Việt Á và bà Phạm Huyền T, số công chứng 947 ngày 14/4/2023 tại Văn phòng C1 thì yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông Lê Việt Á và ông Nguyễn Ngọc V phải cùng có trách nhiệm liên đới trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và số tiền thiệt hại theo quy định.

Thấy rằng:

[4.1]. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hiện tại bà T chưa nhận đất, chỉ đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Á do ông V giao. Ông Á cũng có yêu cầu buộc giao trả nên cần buộc bà T giao trả lại cho ông Á bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC748581, số vào số CS02887 cấp ngày 24/12/2021 cho ông Lê Hoàng Â, chỉnh lý sang tên Lê Việt Á ngày 26/01/2022.

[4.2]. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Ngọc V với bà Phạm Huyền T. Số tiền chuyển nhượng đất 2.000.000.000 đồng, bà T xác định đã giao đủ tiền cho ông V, cấp sơ thẩm phân tích cho rằng lẽ ra trong vụ án này sẽ không xem xét do bà T không có yêu cầu độc lập. Nhưng nêu không xem xét thì sẽ không giải quyết triệt để vụ án nên cấp sơ thẩm đã xem xét để giải quyết triệt để vụ án.

[4.3]. Xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V với bà T đều có lỗi của các bên, khi vô hiệu hợp đồng thì ông V phải trả lại cho bà T số tiền đã nhận và ½ giá trị đất và tài sản trên đất khi khấu trừ số tiền đã nhận chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng, cụ thể:

Giá trị đất 1.000.000 đồng/m^2 x 2.282m^2 = 2.282.000.000 đồng + Giá trị tài sản trên đất là: 835.833.800 đồng = 3.117.833.800 đồng – 2.000.000.000 đồng số tiền chuyển nhượng = 1.117.833.800 đồng: 2 = 558.916.900 đồng.

Như vậy, cần phải buộc ông Nguyễn Ngọc V trả cho bà T số tiền 2.558.916.900 đồng.

[4.4]. Bà T đặt ra yêu cầu kháng cáo trách nhiệm liên đới của ông Lê Việt Á và như đã phân tích nêu trên, bà T xác định đã giao đủ tiền cho ông V nên buộc ông V trả tiền là có căn cứ. Đối với việc yêu cầu liên đới trách nhiệm buộc ông Á cùng có trách nhiệm là không có cơ sở.

Tuy nhiên, phía đại diện ông Á đồng ý khi thực hiện việc thi hành án sẽ thông báo cho bà T được biết. Đây là thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án, các bên có quyền thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét lại

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Phạm Huyền T không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Huyền T: Giữ Y bản án sơ thẩm số: 116/2025/DS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Việt Á đối với ông Nguyễn Ngọc V.

1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa Lê Việt Á và Nguyễn Ngọc V, số công chứng 10334, quyển số 01/2022/TP/CC-SCCHĐGD tại Văn phòng C.

2. Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Việt Á (ủy quyền cho Nguyễn Ngọc V) và Phạm Huyền T số công chứng 947, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/4/2023 tại Văn phòng C1 đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. Buộc bà Phạm Huyền T trả lại ông Lê Việt Á bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC748581, số vào số CS02887 cấp ngày 24/12/2021.

4. Buộc ông Lê Việt Á trả lại cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 770.700.000 đồng (*Bảy trăm bảy mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*).

5. Buộc ông Nguyễn Ngọc V phải trả cho bà Phạm Huyền T số tiền 2.558.916.900 đồng (*Hai tỷ năm trăm năm mươi tám triệu chín trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về chi phí tố tụng: Buộc ông ông Nguyễn Ngọc V phải trả lại cho ông Lê Việt Á 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V phải nộp số tiền 83.178.000 đồng (*Tám mươi ba triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ.

Nguyên đơn Lê Việt Á phải nộp số tiền 34.828.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng*), khấu trừ tiền tạm ứng án phí 14.600.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0002143 ngày 21/10/2024 và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0000546 ngày 03/6/2025. Nguyên đơn phải nộp thêm số tiền 19.928.000 đồng (*Mười chín triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Phạm Huyền T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0003796 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2026).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Minh Trang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày …./…../……...).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…….. - …….. **Lê Thị Minh Trang**

Nơi nhận:
- VKSND TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Trang